TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/DS-ST
Ngày: 25-8-2021
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Doãn Thị Lệ.

2. Bà Nguyễn Thị Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị Tuyết N; địa chỉ: 123 đường T, phường T1, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà N có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Lâm Thị N1; địa chỉ: 1282 đường T, thôn I, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà N1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-02-2021, nguyên đơn là bà Mai Thị Tuyết N trình bày*:

Ngày 21-01-2020, bà cho bà Lâm Thị N1 vay 300.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 21-3-2020, lãi suất do hai bên thỏa thuận là 4,5%/tháng.

Khi vay tiền, bà Lâm Thị N1 có giao cho bà giữ bản gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 885234 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 20-6-2017 cho ông Trương Thái B và Lâm Thị N1.

Từ khi vay cho đến nay, bà Lâm Thị N1 không trả tiền lãi cho bà.

Đến hạn trả nợ gốc, bà Lâm Thị N1 hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không trả nợ gốc và tiền lãi cho bà.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lâm Thị N1 phải trả cho bà 300.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi với mức lãi 1,67%/tháng trên số nợ gốc tính từ ngày vay đến ngày xét xử, giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó bà yêu cầu bà Lâm Thị N1 phải trả cho bà 300.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi với mức lãi 0,83%/tháng trên số nợ gốc tính từ ngày vay đến ngày xét xử, giải quyết vụ án.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bà Lâm Thị N1. Tuy nhiên, bà Lâm Thị N1 không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, bà Lâm Thị N1 không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên toà.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Tuyết N về việc buộc bà Lâm Thị N1 phải trả cho bà Mai Thị Tuyết N 300.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 21-01-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Mai Thị Tuyết N khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bà Lâm Thị N1, bà Lâm Thị N1 có nơi cư trú tại thành phố P nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[1.2] Về thủ tục lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên: Theo Biên bản ghi nhận ý kiến của người khởi kiện về việc lựa chọn hòa giải, lựa chọn Hòa giải viên ngày 06-4-2021, bà Mai Thị Tuyết N không đồng ý lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn là bà Lâm Thị N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để bà Lâm Thị N1 tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 21-01-2020, bà Lâm Thị N1 vay của bà Mai Thị Tuyết N 300.000.000 đồng, thời hạn trả nợ gốc là ngày 21-3-2020, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận.

Khi vay, các bên có lập văn bản và ký xác nhận việc vay tiền. Đến thời hạn trả nợ, bà Mai Thị Tuyết N đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Lâm Thị N1 không trả nợ gốc và tiền lãi cho bà Mai Thị Tuyết N. Do bên vay không tự nguyện trả nợ nên bà Mai Thị Tuyết N yêu cầu Tòa án xử buộc bà Lâm Thị N1 phải trả cho bà Mai Thị Tuyết N 300.000.000 đồng nợ gốc theo "*Giấy mượn tiền*" ngày 21-01-2020 và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng của 300.000.000 đồng tính từ ngày 21-01-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xét, hợp đồng vay tài sản giữa bà Mai Thị Tuyết N và bà Lâm Thị N1 được giao kết hợp pháp, nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bà Lâm Thị N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên bà Mai Thị Tuyết N khởi kiện là có căn cứ.

Hội đồng xét xử sẽ xử buộc bà Lâm Thị N1 phải trả cho bà Mai Thị Tuyết N 300.000.000 đồng nợ gốc.

Về tiền lãi: Bà Mai Thị Tuyết N yêu cầu bà Lâm Thị N1 phải trả tiền lãi của 300.000.000 đồng nợ gốc, với mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 21-01-2020 đến ngày 25-8-2021.

Yêu cầu này của bà Mai Thị Tuyết N hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc của pháp luật về dân sự, nên được chấp nhận. Do vậy, tiền lãi mà bà Lâm Thị N1 phải trả cho bà Mai Thị Tuyết N được tính như sau:

Từ ngày 21-01-2020 đến ngày 25-8-2021 là 580 ngày: 300.000.000 đồng x 580 ngày x 0,83%/30 ngày = 48.140.000 đồng.

Như vậy, tổng số nợ gốc và tiền lãi mà bà Lâm Thị N1 phải trả cho bà Mai Thị Tuyết N là: 300.000.000 đồng + 48.140.000 đồng = 348.140.000 đồng.

[3] Đối với bản gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 885234 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 20-6-2017 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Trương Thái Bình và bà Lâm Thị N1 được bà Lâm Thị N1 thế chấp cho bà Mai Thị Tuyết N khi vay tiền, việc thế chấp không được các bên tuân thủ theo luật định nên không có hiệu lực, vì vậy sẽ buộc bà Mai Thị Tuyết N phải trả lại cho bà Lâm Thị N1 bản gốc của giấy chứng nhận nói trên.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lâm Thị N1 phải chịu 17.407.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 275, 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Tuyết N.

Buộc bà Lâm Thị N1 phải trả cho bà Mai Thị Tuyết N 348.140.000 đồng (*trong đó có 300.000.000 đồng nợ gốc và 48.140.000 đồng tiền lãi*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Bà Mai Thị Tuyết N có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Lâm Thị N1 bản gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 885234 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 20-6-2017 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Trương Thái Bình và bà Lâm Thị N1.

Nếu bà Mai Thị Tuyết N không thực hiện nghĩa vụ nói trên, bà Lâm Thị N1 có quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lâm Thị N1 phải chịu 17.407.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Mai Thị Tuyết N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Mai Thị Tuyết N 9.040.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000768 ngày 06-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Mai Thị Tuyết N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 25-8-2021. Bà Lâm Thị N1 được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền